

CTCP Everpia

Ngày 31/12/2025	10,650 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.9%	-4.1%	-1.4%

DT thuần Q4/25	213
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 7.00 3.2%
	YoY: ▲ 16.0 8.0%

LN thuần Q4/25	12.4
tỷ VNĐ	QoQ: ▼9.70 -43.9%
	YoY: ▲ 5.83 88.9%

LN sau thuế Q4/25	7.97
tỷ VNĐ	QoQ: ▼10.5 -56.9%
	YoY: ▲ 1.53 23.8%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	8.1%
	YoY: +/-▲ 10.4%

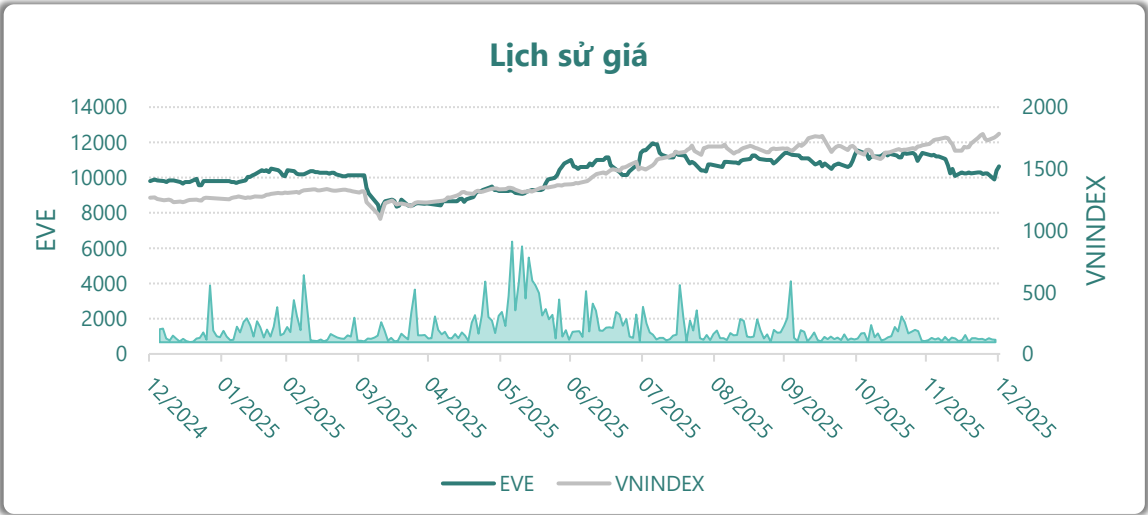
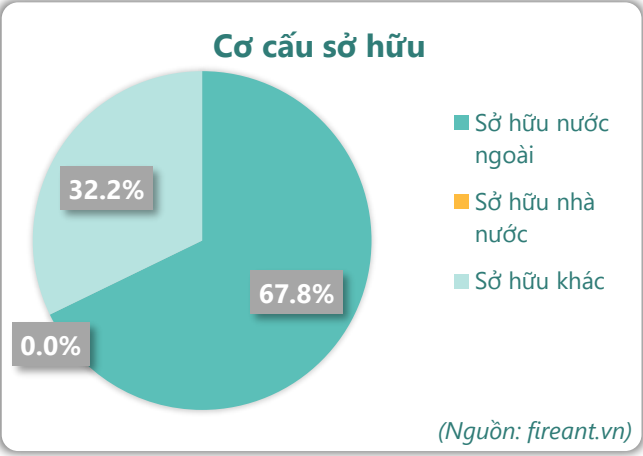
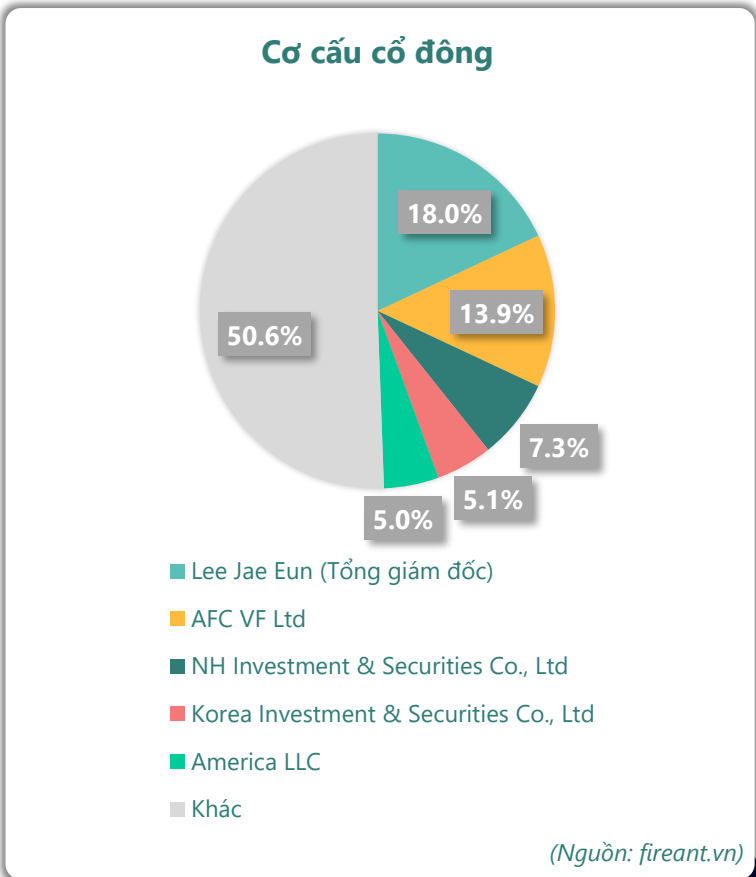
ROE 2025	4.0%
	YoY: +/-▲ 7.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,887 - 11,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	447
Số lượng CPLH (CP)	41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,890
Sở hữu nước ngoài	67.8%
Beta	0.27
EPS	918
P/E	11.6

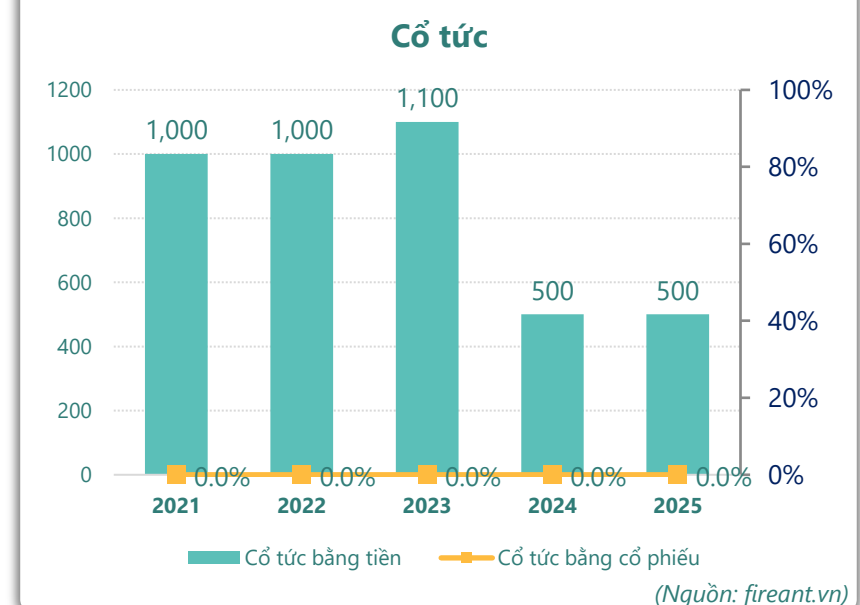
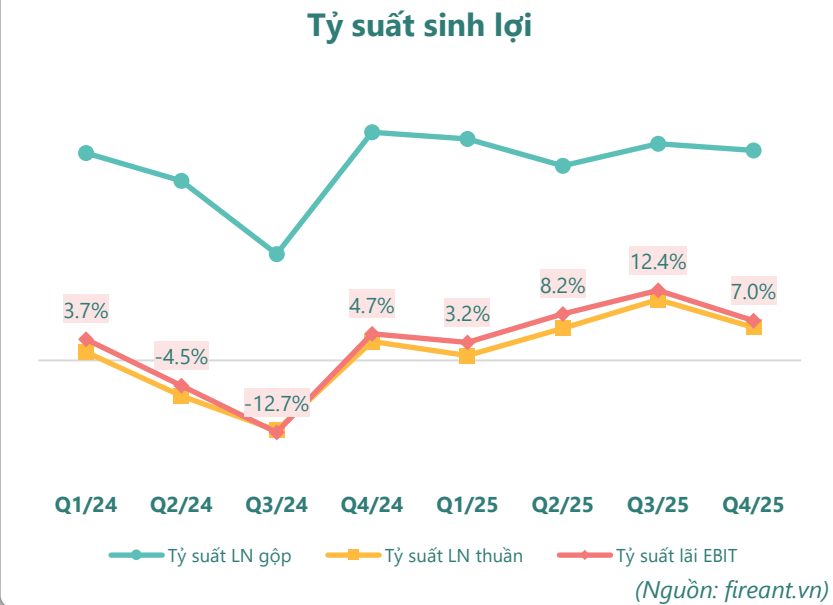
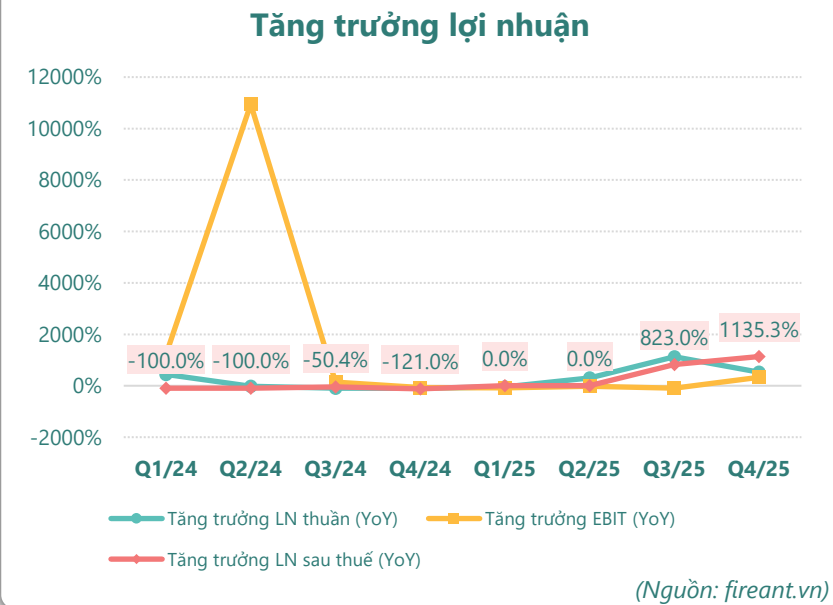
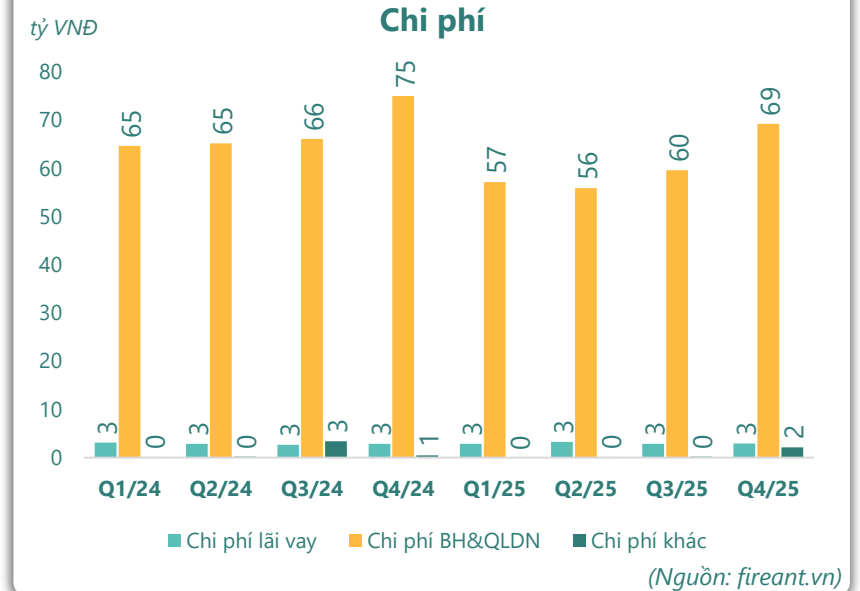
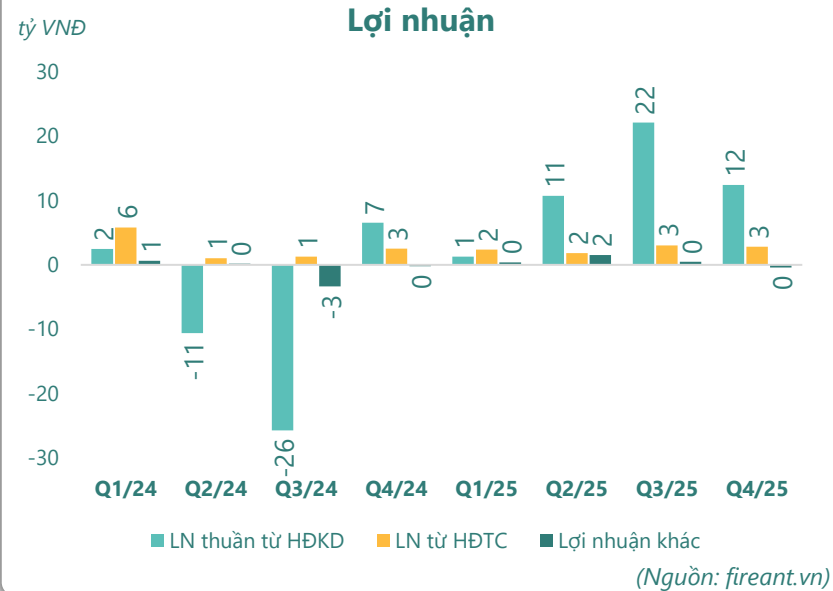
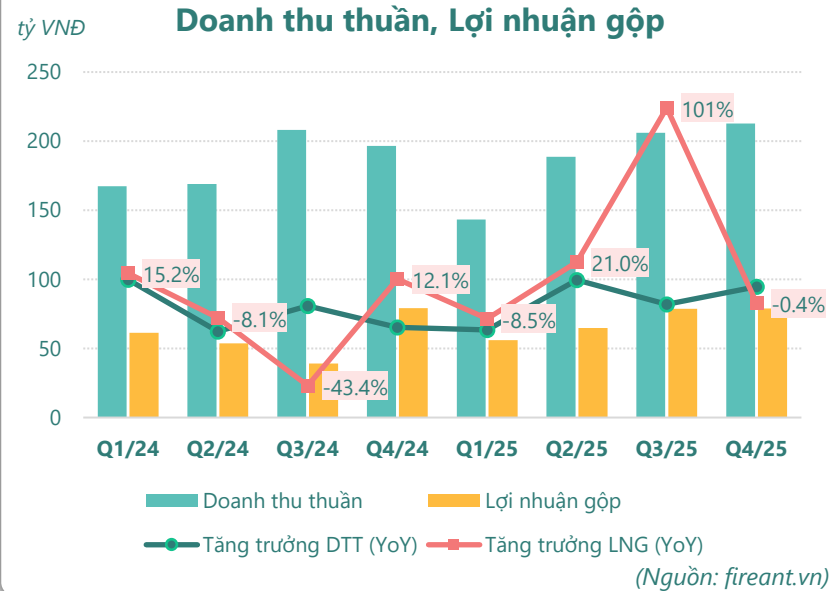
DT thuần 2025	751
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 10.0 1.3%

LN thuần 2025	46.5
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 72.8 277%

LN sau thuế 2025	39.4
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 68.5 236%



KẾT QUẢ KINH DOANH

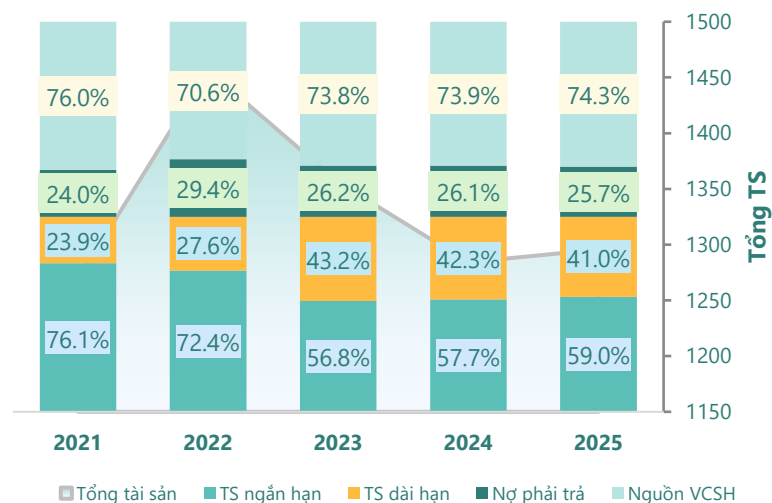




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

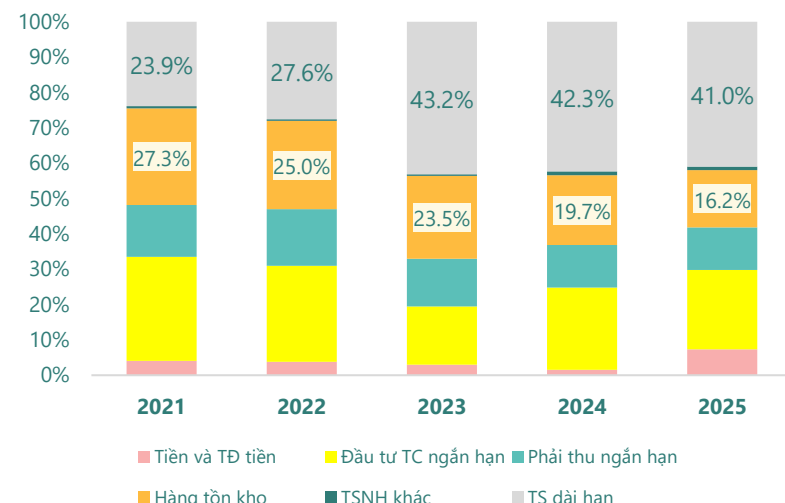
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

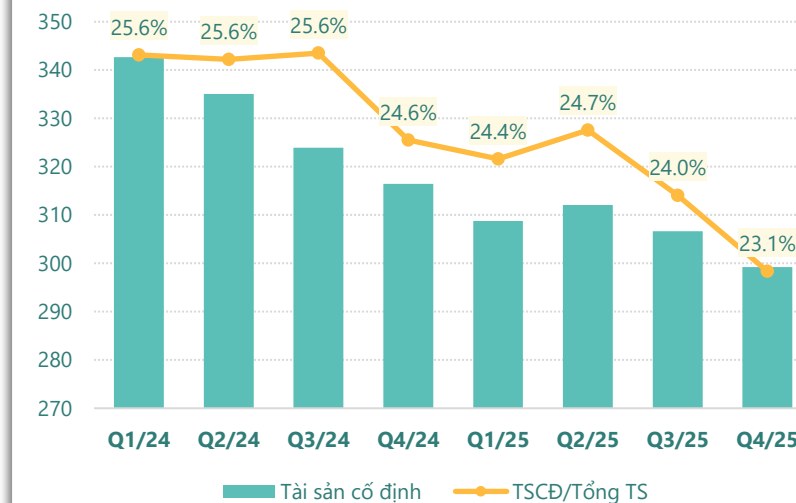
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

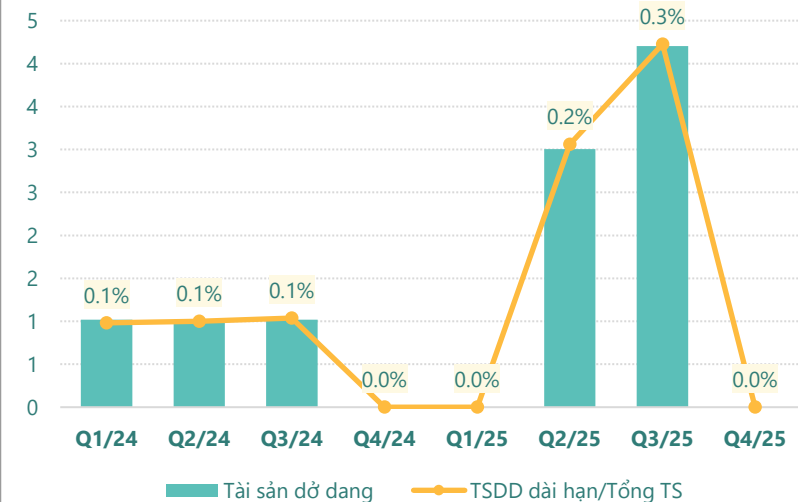
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

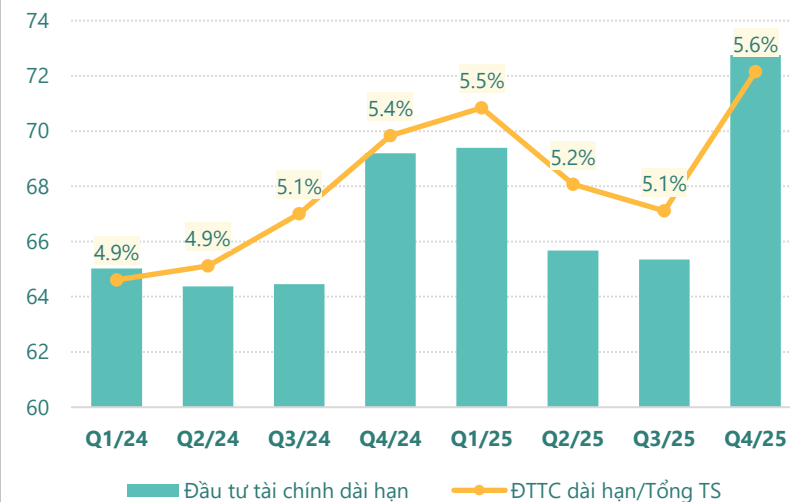
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

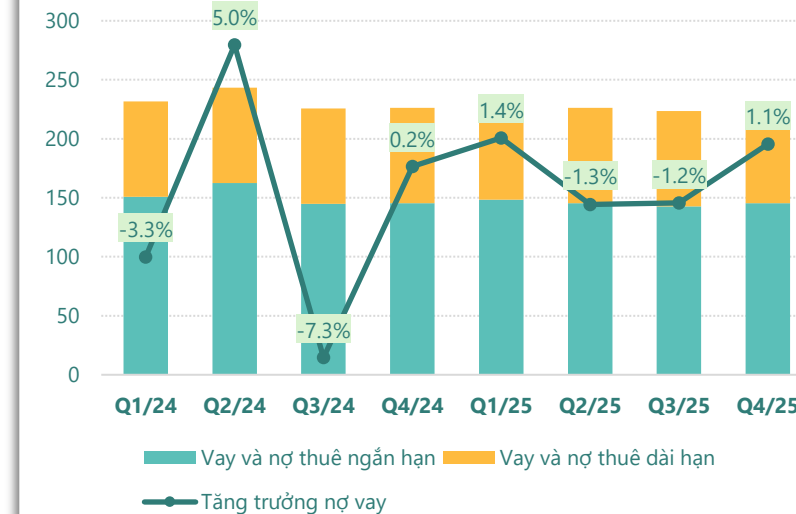
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

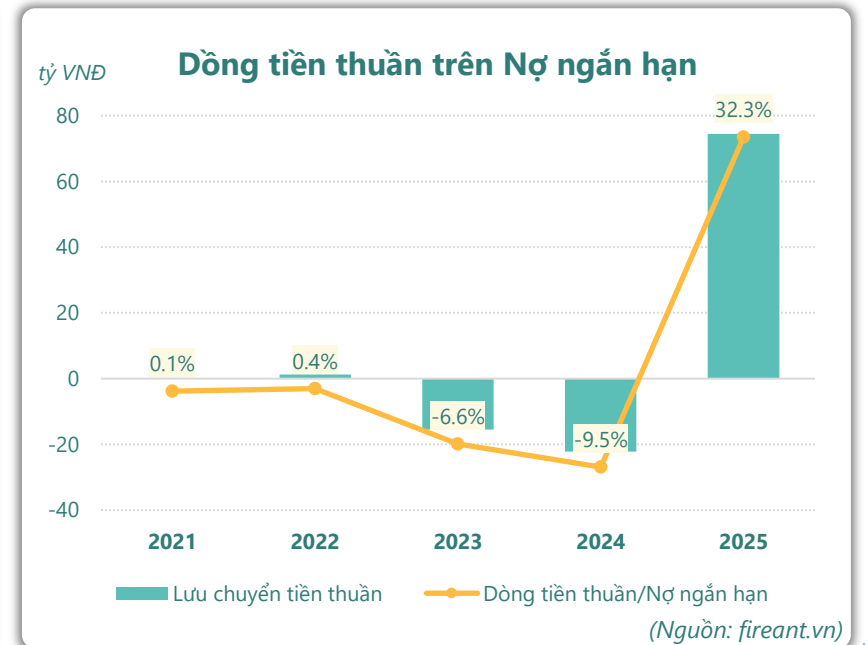
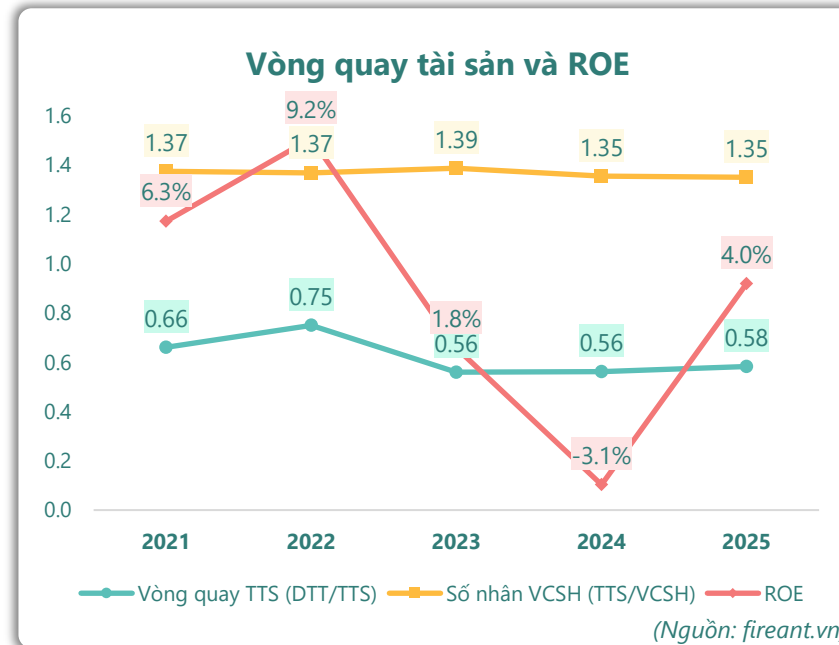
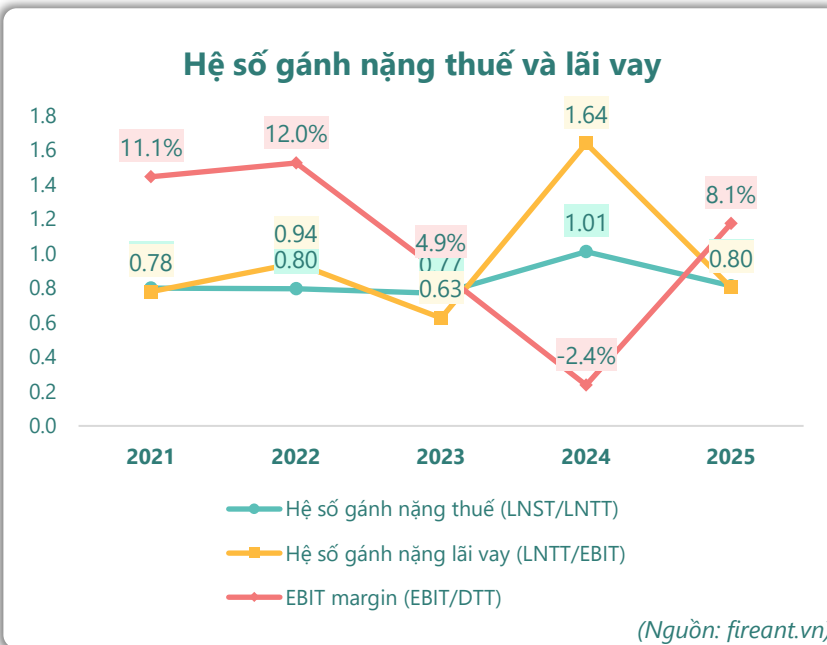
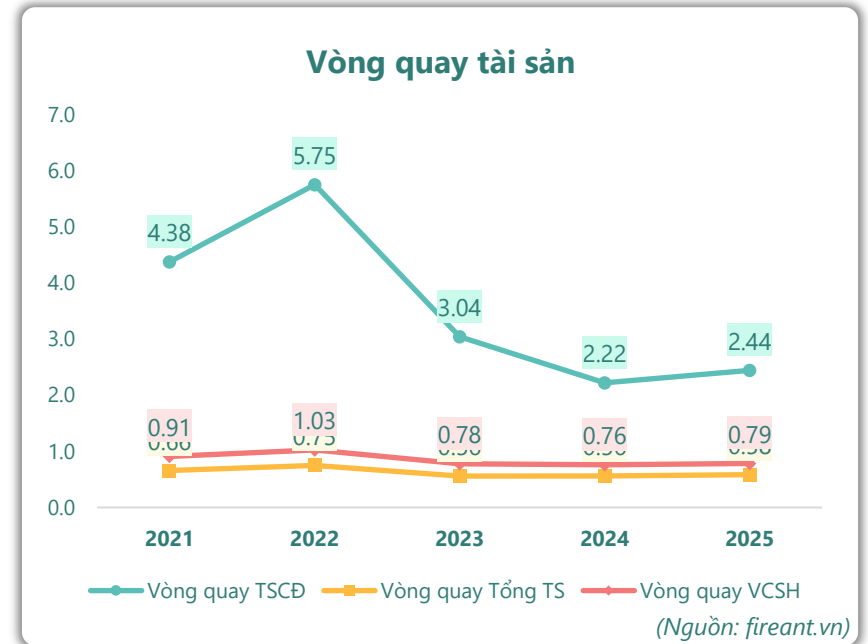
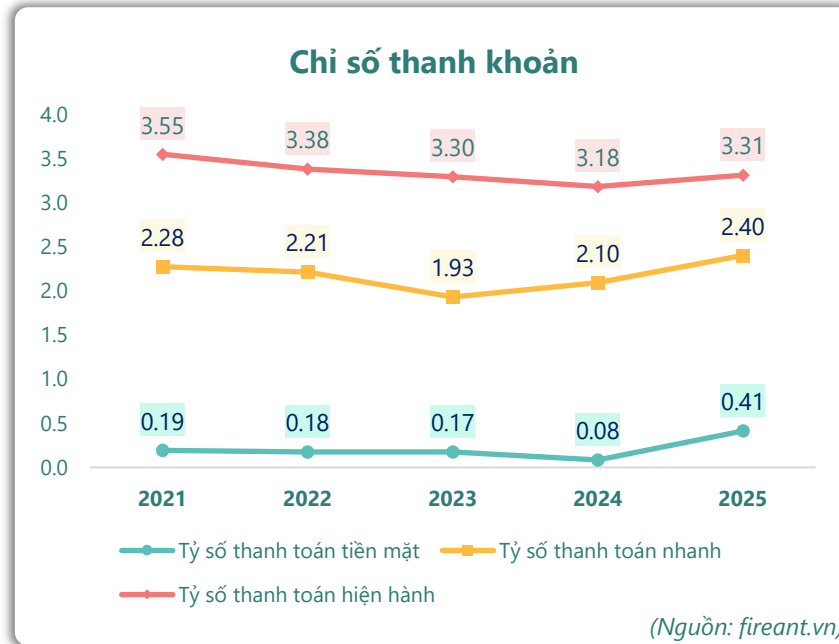
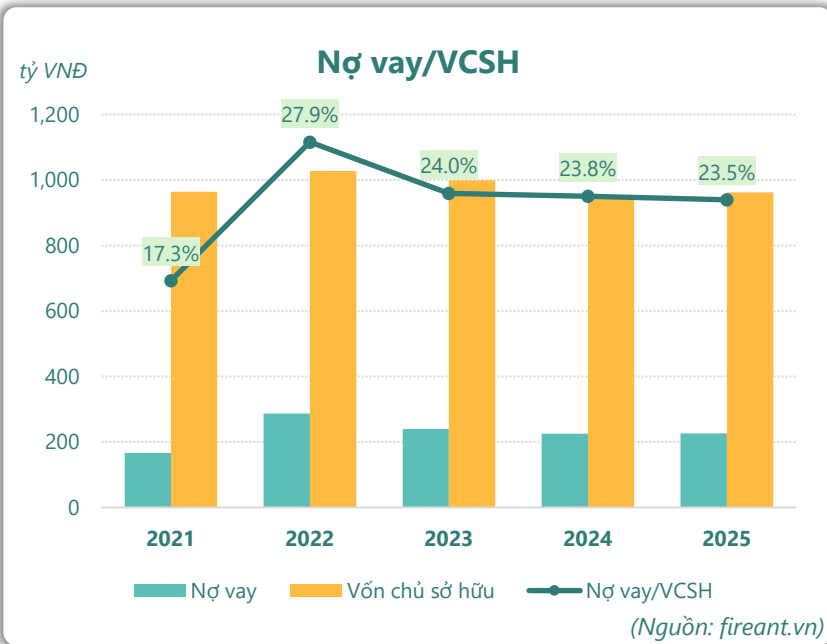
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	213	197	8.0%	751	741	1.3%
Giá vốn hàng bán	134	117	14.4%	472	508	-7.1%
Lợi nhuận gộp	78.9	79.1	-0.3%	278	233	19.4%
Doanh thu HĐTC	6.54	6.52	0.3%	26.6	27.9	-4.6%
Chi phí TC	3.72	4.02	-7.6%	16.6	16.2	2.0%
Chi phí lãi vay	2.95	2.84	3.8%	11.9	11.2	6.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	46.6	52.7	-11.6%	154	176	-12.7%
Chi phí QLDN	22.7	22.4	1.3%	88.3	94.9	-7.0%
LN thuần từ HĐKD	12.4	6.57	88.9%	46.5	-26.3	277%
Lợi nhuận khác	-0.40	-0.23	-76.0%	2.01	-2.51	180%
LN trước thuế	12.0	6.34	89.3%	48.5	-28.8	269%
Lợi nhuận sau thuế	7.97	6.44	23.8%	39.4	-29.1	236%
LNST của CĐ cty mẹ	7.90	6.21	27.3%	38.6	-30.2	228%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.01	30.1	10.6	3.58	6.47	16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.8	-48.9	-9.96	27.3	2.02	38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.9	0.54	3.84	-24.9	-1.73	2.06
Tiền đầu kỳ	40.8	38.3	19.5	25.2	31.7	39.0
Lưu chuyển tiền thuần	-3.01	-18.3	4.52	6.00	6.76	57.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.49	-0.35	1.15	0.52	0.57	-0.98
Tiền cuối kỳ	38.3	19.6	25.2	31.7	39.0	95.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,296	1,284	0.9%
Tài sản ngắn hạn	764	741	3.2%
Tiền và tương đương tiền	95.3	19.5	389%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290	299	-3.0%
Phải thu ngắn hạn	156	155	1.1%
Hàng tồn kho	210	253	-17.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.9	14.2	-9.6%
Tài sản dài hạn	531	543	-2.2%
Phải thu dài hạn	8.71	2.86	204%
Tài sản cố định	299	315	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	72.8	64.6	12.6%
Tài sản dài hạn khác	151	161	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	333	336	-0.7%
Nợ ngắn hạn	231	233	-0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	145	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.3	42.7	-31.4%
Nợ dài hạn	103	103	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	962	948	1.4%
Vốn chủ sở hữu	962	948	1.4%
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

